TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2023
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Quang;

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Ngọc Uyên và ông Trần Quang Đạt;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thục Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn*: **Phạm Duy T**, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu phố Ninh Tịnh 4, phường 9, thành phố Tuy Hòa, Phú Yên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ *Bị đơn*: **Nguyễn Lê Thanh NH**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Kanagawaken, Ebinashi Kamiimaizumi 6-9-11 Sani-Ko-To 101, Nhật Bản; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/8/2023 và lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Phạm Duy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Phạm Duy T và bà Nguyễn Lê Thanh NH tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2015. Trong khi chờ đợi sự quyết định chấp thuận của Tòa Đại sứ quán Nhật Bản để ông T định cư và sinh sống cùng bà NH tại Nhật Bản, bà NH có bảo lãnh để ông T đi du lịch tại Nhật Bản và vợ chồng sống chung với nhau. Sau đó ông T về lại Việt Nam sinh sống. Quá trình chung sống, vợ chồng nhận thấy có NHều mâu thuẫn, không thể hàn gắn tình cảm, hiện nay vợ chồng cũng không còn liên lạc. Nay thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà NH.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Bị đơn Nguyễn Lê Thanh NH có văn bản trình bày: Thống nhất về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung như ông T trình bày. Ông T xin ly hôn và bà NH cũng đồng ý ly hôn.

Bị đơn bà Nguyễn Lê Thanh NH có đơn xin vắng mặt, nên Tòa không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án xin ly hôn giữa ông Phạm Duy T và bà Nguyễn Lê Thanh NH, hiện tại bà NH đang sinh sống tại Kanagawaken, Ebinashi Kamiimaizumi 6-9-11 Sani-Ko-To 101, Nhật Bản nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Phạm Duy T và bà Nguyễn Lê Thanh NH đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 207, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Duy T và bà Nguyễn Lê Thanh NH kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/7/2015, vào sổ đăng ký kết hôn số 93/2015, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông T và bà NH chỉ sống chung với nhau trong thời gian 04 tháng tại Nhật Bản theo diện bảo lãnh du lịch. Sau đó, ông T sống tại Việt Nam, chờ được bảo lãnh để đoàn tụ cùng vợ, còn bà NH sống tại Nhật Bản. Vợ chồng ông T, bà NH sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phạm Duy T được ly hôn với bị đơn Nguyễn Lê Thanh NH.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Phạm Duy T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 122, 123 và 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 153, 154, 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phạm Duy T được ly hôn với bị đơn Nguyễn Lê Thanh NH.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí: Nguyên đơn Phạm Duy T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0003620 ngày 12/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Bị đơn ở nước ngoài vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Quang